

Phụ lục 1
Danh mục dự kiến các KCN tỉnh Đồng Tháp
thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND Tỉnh)

STT	Tên KCN	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ghi chú
A	Các KCN thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ			
I	Các KCN đã thành lập			
1	KCN Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	132	
2	KCN Trần Quốc Toản	Thành phố Cao Lãnh	56	
3	KCN Sông Hậu	Huyện Lai Vung	63	
4	KCN Tân Kiêu	Huyện Tháp Mười	148	
	Tổng cộng I		400	
II	Các KCN thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về KCN			
1	KCN - đô thị - dịch vụ Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh	190	Chỉ tính phần diện tích đất khu công nghiệp
2	KCN Cao Lãnh II	Huyện Cao Lãnh	110	
3	KCN Cao Lãnh III	Huyện Cao Lãnh	94	
4	KCN Sông Hậu 2	Huyện Lấp Vò	282	
5	KCN Hòa Tân	Huyện Châu Thành	190	
	Tổng cộng II		866	
	Tổng cộng (I+II)		1.266	
B	Các KCN tiềm năng thành lập mới và mở rộng trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về KCN			
1	KCN Ba Sao	Huyện Cao Lãnh	150	
2	KCN Sông Hậu 3	Huyện Lai Vung	300	
3	KCN - đô thị - dịch vụ Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò	450	Chỉ tính phần diện tích đất khu công nghiệp

STT	Tên KCN	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ghi chú
4	KCN - đô thị - dịch vụ Cao Lãnh mở rộng	Huyện Cao Lãnh	660	Là phần diện tích mở rộng thêm
5	KCN Cao Lãnh II mở rộng	Huyện Cao Lãnh	790	Là phần diện tích mở rộng thêm
6	KCN Sông Hậu 2 mở rộng	Huyện Lấp Vò	428	Là phần diện tích mở rộng thêm
7	KCN Hòa Tân mở rộng	Huyện Châu Thành	610	Là phần diện tích mở rộng thêm
	Tổng cộng		3.388	
	Luỹ kế các KCN		4.654	
C	Các KCN tiềm năng trong KKT cửa khẩu Đồng Tháp thành lập mới			
1	KCN Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	1.000	
2	KCN Bình Thạnh	Thành phố Hồng Ngự	300	
3	KCN Dinh Bà	Huyện Tân Hồng	500	
	Tổng cộng		1.800	

Ghi chú:

- Phạm vi, quy mô, diện tích KCN trong KKT được xác định theo Quy hoạch chung xây dựng KKT.

- Tên và phạm vi ranh giới các KCN sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

Phụ lục 2
Danh mục dự kiến các CCN tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030
và tầm nhìn đến năm 2050
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND Tỉnh)

STT	Tên CCN	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	Các CCN đã đi vào hoạt động		443	
1	CCN Cái Tàu Hạ - An Nhơn	Huyện Châu Thành	41,4	Thủy sản; bao bì, phân bón vi sinh
2	CCN Tân Dương	Huyện Lai Vung	16,6	Sản xuất gạch, ngói, gốm sứ xuất khẩu
3	CCN Vàm Cống	Huyện Lấp Vò	18,7	Thủy sản, thức ăn; phụ phẩm từ chế biến thủy sản
4	CCN Bắc Sông Xáng	Huyện Lấp Vò	15,4	Xay xát, lau bóng gạo, chế biến lương thực
5	CCN Trường Xuân	Huyện Tháp Mười	93,1	Lương thực; cơ khí; thủ công mỹ nghệ; nông sản.
6	CCN Cần Lố	Huyện Cao Lãnh	15,0	Sản xuất dược liệu, cồn y tế
7	CCN Bình Thành	Huyện Thanh Bình	49,3	Thức ăn chăn nuôi thủy sản; chế biến lương thực;
8	CCN Phong Mỹ	Huyện Cao Lãnh	5,5	Chế biến thức ăn thủy sản
9	CCN An Bình	Huyện Cao Lãnh	16,5	Chế biến thực phẩm từ gia cầm, thủy cầm và gia súc.
10	CCN Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh	58,0	Thức ăn gia súc; thủy sản; nông sản; sản xuất phân bón
11	CCN Phú Cường	Huyện Tam Nông	14,5	Thủy sản, thức ăn chăn nuôi; chế biến lương thực
12	CCN Định An	Huyện Lấp Vò	49,9	May mặc; chế biến nông sản, lương thực; chế biến thủy sản, thức ăn chăn nuôi; sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp

STT	Tên CCN	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
13	CCN Tân Lập	Huyện Châu Thành	49,6	Xay xát, lau bóng gạo, chế biến thức ăn gia súc
Tổng cộng (I)			443	
II	Các CCN đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Không			
III	Các CCN thành lập mới		1.180	
1	CCN An Hòa	Thành phố Hồng Ngự	43	
2	CCN Quảng Khánh	Thành phố Cao Lãnh, Huyện Cao Lãnh	50	
3	CCN Tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Cao Lãnh	50	
4	CCN Tân Thạnh	Huyện Thanh Bình	74	
5	CCN Vĩnh Thới	Huyện Lai Vung	75	
6	CCN Phú Hiệp	Huyện Tam Nông	75	
7	CCN Tân Phú Đông	Thành phố Sa Đéc	15	
8	CCN Khởi nghiệp	Thành phố Hồng Ngự	29	
9	CCN Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	75	
10	CCN Tân Lập 2	Huyện Châu Thành	50	
11	CCN Phong Hòa	Huyện Lai Vung	75	
12	CCN Phú Thành A	Huyện Tam Nông	75	
13	CCN Tân Phước	Huyện Tân Hồng	75	
14	CCN An Phong	Huyện Thanh Bình	75	
15	CCN Bình Hưng	Thành phố Hồng Ngự	69	
16	CCN Tân Thành B	Huyện Tân Hồng	50	
17	CCN Hòa Bình	Huyện Tam Nông	75	

STT	Tên CCN	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
18	CCN Phương Thịnh	Huyện Cao Lãnh	75	
19	CCN Mỹ Xương	Huyện Cao Lãnh	75	
Tổng cộng (I) + (II) + (III)			1.623	

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021- 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Phụ lục 3
Danh mục dự án ưu tiên đầu tư hạ tầng KKT, KCN, CCN, CCNLNTT
tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021-2030 và sau năm 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND Tỉnh)

TT	Các chương trình/ dự án ưu tiên thực hiện	Cơ quan chủ trì tham mưu/ phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn			Căn cứ
			2021-2025	2026 - 2030	Sau năm 2030	NSTW hỗ trợ đầu tư	NSDP	Tư nhân	
A	KCN, CCN								
1	Đầu tư phát triển hạ tầng các KCN Đô thị Dịch vụ Cao Lãnh, KCN Cao Lãnh II; KCN Cao Lãnh III; KCN Sông Hậu 2, KCN Hòa Tân.	Ban Quản lý Khu kinh tế	X	X				X	QĐ số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024
2	Đầu tư phát triển hạ tầng các KCN Ba Sao, KCN Sông Hậu 3, KCN Đô thị Dịch vụ Tân Mỹ	Ban Quản lý Khu kinh tế		X	X			X	
3	Đầu tư phát triển hạ tầng các KCN Thường Phước, KCN Bình Thạnh, KCN Dinh Bà	Ban Quản lý Khu kinh tế		X	X			X	
4	CCN Quảng Khánh	Trung tâm ĐTKTHT	X	X			X		Phụ lục IV, XXVI - QĐ số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024
5	Đầu tư phát triển hạ tầng các cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề truyền thống	Sở Công thương/ UBND cấp huyện	X	X	X		X	X	

TT	Các chương trình/ dự án ưu tiên thực hiện	Cơ quan chủ trì tham mưu/ phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Nguồn vốn			Căn cứ
			2021-2025	2026 - 2030	Sau năm 2030	NSTW hỗ trợ đầu tư	NSDP	Tư nhân	
B	KHU KINH TẾ CỬA KHẨU								
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp (giai đoạn 3)	Ban Quản lý Khu kinh tế/ UBND cấp huyện	X	X		X	X		QĐ số 1085/QĐ-UBND.HC ngày 20/10/2023
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cửa khẩu quốc tế Thường Phước và cửa khẩu Mộc Rá thuộc Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp.	Ban Quản lý Khu kinh tế/ UBND cấp huyện	X	X		X	X		QĐ số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 ; QĐ số 1086/ QĐ - UBND.HC ngày 20/10/2023